

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2019
V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Sơn, ông Nguyễn Văn Anh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đãi diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thủy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXX-ST ngày 14/12/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1985 (có)

Bị đơn: ông Đào Văn S, sinh năm 1974(vắng)

Cùng trú tại: số 68, đường Điều Ông, khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Tôi và ông S tự nguyện chung sống có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, Bình Phước vào năm 2009. Chúng tôi chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau. Ông S làm tiếp thị, công việc không ổn định thường đi làm xa nhà nên từ đó cũng bỏ mặc gia đình, tôi đã nhiều lần khuyên nhủ và hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân. Nay xét thấy không thể chung sống thêm được nữa,

cuộc sống chung giữa chúng tôi không thể kéo dài, tình cảm của chúng dành cho nhau không còn nên chúng tôi mong Tòa giải quyết được ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: chúng tôi có một con chung là Đào Thủy Thảo N, sinh năm 2010. Trước đây tôi có yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi con, tuy nhiên, do chồng tôi thường xuyên đi làm ăn xa, con vẫn đang ở với tôi, giữa tôi và chồng không có tranh chấp gì về con chung nên nay tôi xin rút lại về phần nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về tài sản, nợ chung và cho vay chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đào Văn S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “*Tranh chấp về ly hôn*” do bà Nguyễn Thị Bích H đứng đơn khởi kiện. Bị đơn ông Đào Văn S cư trú tại 68 Điều Ông, khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Đào Văn S trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Việc ông S không đến Tòa án để tham gia vào vụ án theo quy định của pháp luật là đương nhiên từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thành phố Đồng Xoài tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3]. Nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, Bình Phước, vào sổ đăng ký kết hôn số 27 ngày 15/4/2009. Căn cứ điều 8 và điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Do vậy bà H có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông S là có căn cứ.

Xét tình trạng hôn nhân của bà H và ông S: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã khuyên nhủ bà H nhiều lần cho ông S cơ hội và tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng đến nay bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông S. Bà H cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, mâu thuẫn về kinh tế và tất cả mọi thứ, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay bà H và ông S đã sống ly thân. Đối với bị đơn ông Đào Văn S trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt,

niêm yết tại nhà và tại địa phương các văn bản, thông báo của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên học tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử... nhằm đảm bảo quyền lợi cho ông nhưng ông vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện ý chí nguyện vọng hàn gắn gia đình cũng như đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của mình. Do vậy, căn cứ vào những tài liệu-chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau và cùng có trách nhiệm chung với gia đình, nhưng trong cuộc sống chung của bà H và ông S có những mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, bà H và ông S hiện nay đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân bà H nhận thức cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống bà H và ông S có 01 con chung là Đào Thủy Thảo N, sinh năm 2010. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, cho vay và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với ông Đào Văn S (*Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Hưng, thị xã Đông Xoài, Bình Phước, vào sổ đăng ký kết hôn số 27 ngày 15/4/2009*).

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, cho vay và nợ chung: bà H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000663, quyền số 0014 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án thành phố Đồng Xoài.

Quyền kháng cáo: bà H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông S có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Sơn

Nguyễn Văn Anh

Phan Thị Mỹ Dung